

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **35/2021/DS-ST**

Ngày: 26-5-2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.

2. Bà Trương Thị Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Du – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 428/2021/QĐST- DS ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn M**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 213, đường N, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: K2/135, khu phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Lê Thị K**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: A4/170C, khu phố 4, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Anh M có đơn xin vắng mặt; Bà H vắng mặt không có lý do; Chị K có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải anh Bùi Văn M trình bày:

Do mối quan hệ quen biết anh M có cho bà Lê Thị H vay số tiền 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi vay bà H có viết giấy hẹn nợ cho anh vào ngày 30/8/2010 với nội dung là trong vòng 30 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn nợ bà H sẽ thanh toán hết số tiền trên cho anh M và tiền lãi phát sinh. Theo thoả thuận thì tiền lãi phát sinh là 1%/ tháng. Tuy nhiên hết 30 ngày bà H không thanh toán cho anh M tiền gốc và lãi phát sinh như thoả thuận. Từ đó đến nay nhiều lần anh M yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà không trả và bà H có đưa cho anh giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 292221 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà cấp cho chị Lê Thị K vào ngày 30/7/2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 313104 do Ủy ban huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị H vào ngày 07/01/2014.

Nay anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H thanh toán cho anh M số tiền nợ gốc là 1.650.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời anh M đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 292221 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà cấp cho chị Lê Thị K vào ngày 30/7/2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 313104 do Ủy ban huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị H vào ngày 07/01/2014.

Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị K trình bày:

Chị là cháu của bà Lê Thị H. Trước đây chị có nhờ bà H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất của nhà chị, sau khi làm xong bà H giữ luôn không trả. Việc bà H vay tiền của anh M và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị giao cho anh M để làm tin vay tiền thì chị không biết. Chị yêu cầu anh M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 292221 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà cấp cho chị vào ngày 30/7/2010. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho anh Bùi Văn M số tiền là 1.650.000.000 đồng. Về lãi suất: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Buộc anh M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 292221 do Ủy

ban nhân dân thành phố Biên Hoà cấp cho chị Lê Thị K vào ngày 30/7/2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 313104 do Ủy ban huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị H vào ngày 07/01/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/11/2020 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà đã ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Lê Thị H. Quá trình giải quyết vụ án này Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà Lê Thị H nhưng bà H không đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên tòa xét xử nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn anh Bùi Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị K có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M, bà H và chị K.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Văn M khởi kiện bà Lê Thị H, sinh năm 1953, cư trú tại K2/135, khu phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai tranh chấp số tiền cho vay. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về tư cách đương sự: Căn cứ khoản 2 Điều 68 xác định anh Bùi Văn M là nguyên đơn, bà Lê Thị H là bị đơn, chị Lê Thị K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn M, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Anh Bùi Văn M căn cứ vào chứng cứ là Giấy hẹn nợ ngày 30/8/2010 thể hiện nội dung bà Lê Thị H có vay của anh Bùi Văn M số tiền là 1.650.000.000 đồng, từ thời điểm viết giấy hẹn nợ đến nay bà H không trả cho anh M bất kỳ một khoản tiền nào. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng M. Do đó việc khởi kiện tranh chấp số tiền 1.650.000.000 đồng của anh M là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Anh Bùi Văn M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Bùi Văn M đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 292221 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà cấp cho chị Lê Thị K vào ngày 30/7/2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 313104 do Ủy ban huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị H vào ngày 07/01/2014 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Lê Thị K yêu cầu anh Bùi Văn M trả trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 292221 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà cấp cho bà Lê Thị K vào ngày 30/7/2010 là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn M buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho anh Bùi Văn M số tiền là 1.650.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 61.500.000 đồng (Sáu mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

[6] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của anh Bùi Văn M phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét ý kiến của chị Lê Thị K phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn M.

Buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho anh Bùi Văn M số tiền 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Anh Bùi Văn M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc anh Bùi Văn M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 292221 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà cấp cho chị Lê Thị K vào ngày

30/7/2010 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 313104 do Ủy ban huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị H vào ngày 07/01/2014.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 61.500.000 đồng (Sáu mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho anh Bùi Văn M số tiền 38.440.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009892 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh